TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/HS-ST
Ngày: 06-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Trúc Mai;

2. Ông Phùng Hải Thuỷ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Xuân Thúy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Khánh Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo: **Bùi Thanh T,** sinh ngày: 14/01/1991; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Chăn nuôi; con ông Bùi Xuân T1, sinh năm 1965 và con bà Nguyễn Thị Thủy C, sinh năm: 1963; cả hai hiện trú tại: thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 04 anh, em, bị cáo là con thứ ba; vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995; nghề nghiệp: Nội trợ và có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh 2023; đều trú tại: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

Người làm chứng:

+ Ông Võ Đình M, sinh năm 1975; đơn vị công tác: Văn phòng C1; địa chỉ: Số A L, khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt;

+ Bà Đào Thị Thanh L, sinh năm 1988; địa chỉ: T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt;

+ Bà Hồ Thị Hồng N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh T là Tổ trưởng Tổ hợp tác chăn nuôi gà thương phẩm Hoàng T2. (Tổ hợp tác gồm 02 thành viên là Bùi Thanh T và ông Bùi Xuân T1 sinh năm 1965; cư trú tại: thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị là bố của T.) Vì muốn vay vốn mở rộng trang trại chăn nuôi nên vào khoảng giữa tháng 6 năm 2023, Bùi Thanh T đến Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Q (thuộc Liên minh hợp tác xã tỉnh Q; địa chỉ: Số A đường L, thành phố Đ) để vay vốn. Tại đây, T được nhân viên tư vấn thủ tục vay và được biết khi vay vốn phải có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất. Do không có tài sản thế chấp nên T đã nảy sinh ý định thuê người khác làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là: GCNQSDĐ*) từ thửa đất số 425; tờ bản đồ địa chính số 14 ở địa chỉ thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị (thửa đất này đã được quy chủ cho hộ ông Bùi Xuân T1, nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ).

Ngày 25/6/2023, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng gắn sim số 0396.845.844, lên mạng xã hội Facebook tìm nội dung *"Làm giả bìa hồng"* thì trên Facebook hiện lên trang tin "Văn phòng công chứng đất đai". T nhắn tin đặt làm giả GCNQSDĐ thì bên trang tin đồng ý và yêu cầu T kết bạn Zalo với số điện thoại lưu trên trang (hiện T không nhớ số điện thoại). Bùi Thanh T cung cấp ảnh chụp *"Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên Bùi Xuân T1; Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/11/2019 và căn cước công dân của Bùi Thanh T"* và yêu cầu làm giả 01 GCNQSDĐ mang tên Bùi Thanh T theo thông tin ghi trên Phiếu xác nhận. Hai bên thống nhất tiền công là 6.000.000 đồng (đặt cọc trước 300.000 đồng, còn lại 5.700.000 đồng thì khi nhận được GCNQSDĐ giả sẽ trả cho bên giao hàng). Sau khi trao đổi, thống nhất xong T chuyển khoản 300.000 đồng tiền đặt cọc vào số tài khoản 109873125867, ngân hàng V, mang tên Nguyễn Phước Đ. Đến ngày 14/7/2023, anh Lê Văn N1 là nhân viên giao hàng của Chi nhánh Công ty G có địa chỉ: A L, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị đã giao cho T một gói hàng được bọc bằng bao nilong bên ngoài có ghi nội dung "hàng áo quần". Khi nhận được gói hàng thì T biết bên trong là GCNQSDĐ giả nên T không mở ra kiểm tra mà chuyển cho anh Lê Văn N1 5.700.000 đồng từ số tài khoản của Bùi Thanh T vào số tài khoản 9949168246, ngân hàng V1, mang tên Lê Văn N1. Anh Lê Văn N1 nộp số tiền trên cho Công ty G, Công ty đã chuyển 5.670.000 đồng (trừ phí vận chuyển 30.000 đồng) vào ví điện tử GHTK PAY liên kết với số tài khoản 334455668, ngân hàng V2, mang tên Trần Quốc T3. Khi anh N1 rời đi thì T mở gói hàng ra xem thấy bên trong có *"GCNQSDĐ số BU626441 mang tên Bùi Thanh T, năm sinh: 1991, CCCD số: 045091007667, địa chỉ thường trú: H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có địa chỉ thửa đất tại: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CS78526"*.

Sau khi có được GCNQSDĐ giả, Bùi Thanh T đã chụp ảnh và nhắn tin gửi qua Zalo cho chị Hồ Thị Hồng N là nhân viên tư vấn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Q thuộc Liên minh hợp tác xã tỉnh Q để chị N xem xét làm hồ sơ cho vay vốn. Do lầm tưởng GCNQSDĐ của Bùi Thanh T là thật nên ngày 18/7/2023, bộ phận thẩm định của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Q gồm chị Đào Thị Thanh L, chức danh Giám đốc và chị Hồ Thị Hồng N trực tiếp đến trang trại chăn nuôi của T để thẩm định mô hình. Sau khi thẩm định xong thì Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Q đồng ý cho T vay vốn với số tiền 400.000.000 đồng.

Khoảng 08 giờ ngày 20/7/2023, T đến trụ sở Liên minh Hợp tác xã Q để làm thủ tục vay vốn theo Hợp đồng tín dụng vay vốn số 229/HĐ-QHTPTHTX với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Q, sau đó đi công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Q giải ngân khoản tiền vay tại Văn phòng C1 thì nhân viên Văn phòng công chứng kiểm tra và nghi ngờ GCNQSDĐ của Bùi Thanh T là giả nên đã báo với Cơ quan Công an thành phố Đ để giải quyết.

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU626441 mang tên Bùi Thanh T, năm sinh: 1991, CCCD số: 045091007667, địa chỉ thường trú: H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; thửa đất số: 425, tờ bản đồ số: 14; có địa chỉ thửa đất tại: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CS78526; 01 (một) giấy trích lục kết hôn (bản sao) số 27/TLKH-BS 27 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/12/2020; 01 (một) giấy đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên Bùi Xuân T1; 01 (một) giấy phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/11/2019; 01 (một) hợp đồng tín dụng số 229/HĐTD-QHTPTHTX lập ngày 20/7/2023; 01 (một) đơn đề nghị vay vốn viết ngày 04/7/2023; 01(một) dự án vay vốn đầu tư trang trại lợn tổ hợp tác chăn nuôi Hoàng Thiên lập ngày 04/7/2023;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, bản 64GB, số máy: NQ8V2LL/A, số sê-ri: F17WG0FYJCM4, số IMEI: 354834091344212 gắn sim số: 0396.845.844.

Tại Bản kết luận giám định số: 766/KLGĐ-KTHS ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Phòng K, Công an tỉnh Q kết luận: *"Mẫu in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU626441 mang tên Bùi Thanh T, sinh năm: 1991, CCCD: 045091007667, địa chỉ thường trú: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị ghi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CS78526 là mẫu in giả"*.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSĐH ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo Khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Bùi Thanh T** phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*"; áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Thanh T** từ 30.000.000 đến 35.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, bản 64GB, số máy: NQ8V2LL/A, số sê-ri: F17WG0FYJCM4, số IMEI: 354834091344212 gắn sim số: 0396.845.844;

Lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU626441 mang tên Bùi Thanh T, năm sinh: 1991, CCCD số: 045091007667, địa chỉ thường trú: H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; thửa đất số: 425, tờ bản đồ số: 14; có địa chỉ thửa đất tại: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CS78526; 01 giấy trích lục kết hôn (bản sao) số 27/TLKH-BS 27 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/12/2020, 01 giấy đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên Bùi Xuân T1, 01 giấy phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/11/2019, 01 (một) hợp đồng tín dụng số 229/HĐTD-QHTPTHTX lập ngày 20/7/2023, 01 đơn đề nghị vay vốn viết ngày 04/7/2023, 01 dự án vay vốn đầu tư trang trại lợn tổ hợp tác chăn nuôi Hoàng Thiên lập ngày 04/7/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp các các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2 Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng, đã có đủ cơ sở kết luận: Tháng 6 năm 2023, Bùi Thanh T đã có hành vi thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU626441 mang tên Bùi Thanh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CS78526. Ngày 20/7/2023, bị cáo đến Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Q thuộc Liên minh Hợp tác xã Q ký kết Hợp đồng tín dụng số 229/HĐ-QHTPTHTX với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Q vay vốn và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU626441 mang tên Bùi Thanh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/6/2023 để thế chấp bảo đảm khoản vay vốn nói trên. Khi thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng C1, Công chứng viên kiểm tra, nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Bùi Thanh T cung cấp để công chứng là tài liệu giả.

Theo kết luận giám định số: 766/KLGĐ-KTHS ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Phòng K, Công an tỉnh Q kết luận: "Mẫu in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU626441 mang tên Bùi Thanh T, sinh năm: 1991, CCCD: 045091007667*, địa chỉ thường trú: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị ghi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CS78526 là mẫu in giả"*.

Như vậy, hành vi của bị cáo Bùi Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội:*"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều luật quy định khung hình phạt: "*Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm"*.

[3] Xem xét về tính chất hành vi của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, biết việc "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình, được UBND xã tặng giấy khen nên cho bị cáo được hưởng tình tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh hoạt tại địa phương đều chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất hành vi của bị cáo và chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, đủ để răn đe và giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Ông Bùi Xuân T1 không biết việc Bùi Thanh T đặt làm giả và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền nên không đồng phạm với Bùi Thanh T về hành vi "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Đối với làm GCNQSDĐ giả cho Bùi Thanh T, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với những chủ tài khoản ngân hàng liên quan đến người nhận tiền làm giả GCNQSDĐ, Cơ quan điều tra đã có công văn yêu cầu ngân hàng cung cấp hồ sơ liên quan, tuy nhiên khi kết thúc điều tra, ngân hàng V3 và V2 vẫn chưa có kết quả trả lời nên chưa đủ căn cứ để xử lý. Khi nào chứng minh, làm rõ sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về xử lý vật chứng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU626441 mang tên Bùi Thanh T, năm sinh: 1991, CCCD số: 045091007667, địa chỉ thường trú: H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; thửa đất số: 425, tờ bản đồ số: 14; do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/6/2023, số vào sổ cấp GCN: CS78526; 01 (một) giấy trích lục kết hôn (bản sao) số 27/TLKH-BS 27 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/12/2020; 01 (một) giấy đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên Bùi Xuân T1; 01 (một) giấy phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/11/2019; 01 (một) hợp đồng tín dụng số 229/HĐTD-QHTPTHTX lập ngày 20/7/2023; 01 (một) đơn đề nghị vay vốn viết ngày 04/7/2023; 01(một) dự án vay vốn đầu tư trang trại lợn tổ hợp tác chăn nuôi Hoàng Thiên lập ngày 04/7/2023. Là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, bản 64GB, số máy: NQ8V2LL/A, số sê-ri: F17WG0FYJCM4, số IMEI: 354834091344212 gắn sim số: 0396.845.844 bị cáo dùng vào việc pham tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Bùi Thanh T** phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt **Bùi T4 Thương** số tiền **32.000.000** *(Ba mươi hai)* đồng.

3. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử: Tịch thu và sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, bản 64GB, số máy: NQ8V2LL/A, số sê-ri: F17WG0FYJCM4, số IMEI: 354834091344212 gắn sim số: 0396.845.844. (*Vật chứng hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an thành phố Đ ngày 18/01/2024*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Công an TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Hương